TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 4 - 2023
V/v: *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thu In**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Quốc Tiến**

Bà **Đoàn Thị Liễu**

Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Mỹ Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Bà **Vũ Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023, về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

***** *Nguyên đơn:* Chị **Định Thị N**, sinh năm 1979 *(có mặt)*;

Địa chỉ: số 858/16, đường N, khu phố 3, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

***** *Bị đơn:* Anh **Trần Quang L**, sinh năm 1975 *(vắng mặt)*;

Địa chỉ: số 858/16, đường N, khu phố 3, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** *Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 15/12/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Đinh Thị N thống nhất trình bày:* Chị Đinh Thị N và anh Trần Quang L tự quen nhau, chung sống có tổ chức lễ cưới năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường S, thành phố R, tỉnh Kiên Giang ngày 09/10/2000.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không còn tỉnh cảm vợ chồng, anh L

thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc gia đình nên xảy ra cự cãi bất hòa. Vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên chị N làm đơn xin ly hôn với anh L.

- Về con chung: Chị N xác định vợ chồng chung sống có 02 người con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 10/6/2001 và Trần Tấn Đ, sinh ngày 10/8/2002, các con chung đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N xác định không có.

* Bị đơn anh Trần Quang L đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định xét xử; quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh Trần Quang L không có ý kiến trình bày và vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án theo thủ tục sơ thẩm đến thời điểm này về cơ bản Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, Thẩm phán đã xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các bên đương sự theo đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về trình tự thụ lý Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự, thông báo thụ lý vụ án cho đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự; việc gửi văn bản tố tụng đúng theo quy định tại Điều 175, 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc thu thập chứng cứ đúng quy định tại điểm h khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án thực hiện đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự

Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh L đã sống ly thân với nhau khoảng 03 năm nay, do tình cảm vợ chồng đã không còn, không thể hòa hợp và hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị N yêu cầu ly hôn.

Về con chung: 02 con chung là Trần Minh T, sinh ngày 10/6/2001 và Trần Tấn Đ, sinh ngày 10/8/2002, đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ vào khoản 2,4 các Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của chị N là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Đinh Thị N khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Quang L. Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị N và anh Trần Quang L kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, chung sống có tổ chức lễ cưới vào năm 2000, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được Ủy ban nhân dân phường Rạch Sỏi, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang ngày 09/10/2000, nên theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân xin ly hôn chị N xác nhận là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, không còn tình cảm vợ chồng, anh L thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm chăm sóc gia đình nên thường xuyên xảy ra cự cải, bất hòa. Mặc dù chị N và anh L đã tự hòa giải để đoàn tụ nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẩn vợ chồng càng trở nên sâu sắc và anh chị đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2020 đến nay. Nay chị N xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên yêu cầu được ly hôn với anh L.

Phía anh L không có ý kiến theo yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Hội đồng xét xử xét thấy vợ chồng chị N và anh L không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc; thời gian anh chị sống ly thân nhưng vẫn không hàn gắn được tình cảm vợ

chồng và tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh L.

[3] Về con chung: Chị N xác định quá trình chung sống có 02 người con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 10/6/2001 và Trần Tấn Đ, sinh ngày 10/8/2002, các con chung đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị N xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Do anh Trần Quang L không có ý kiến tại Tòa án về vấn đề con chung, tài sản chung, nợ chung; nếu sau này có phát sinh tranh chấp về các vấn đề trên anh L có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Đinh Thị N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị N được ly hôn với anh Trần Quang L.

2/ Về con chung: Chị N xác định quá trình chung sống có 02 người con chung tên Trần Minh T, sinh ngày 10/6/2001 và Trần Tấn Đ, sinh ngày 10/8/2002, các con chung đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Chị N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về nợ chung: Chị N xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

5/ Về án phí: Buộc chị Đinh Thị N phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng, chị N được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004874 ngày 20/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 14/4/2023). Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN THU IN

** Nơi nhận:*
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Chi cục THA dân sự Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu./.